TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2019/HS-ST
Ngày: 25-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đức Thiện

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Quyết
2. Ông Nguyễn Văn Tuân

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lương Thị Thanh Dung - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Tín - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số: 136/2019/TLST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2019/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Phạm Ngọc N, tên gọi khác: không; Sinh ngày: 07/02/2001 tại tỉnh Hậu Giang; Nơi đăng ký hộ khẩu: Tổ 56, phường G, quận T, thành phố Đà Nẵng; Chỗ ở: Tổ 108, phường M, quận L, thành phố Đà Nẵng. Nghề nghiệp: lao động phổ thông; Trình độ văn hoá: 05/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Ngọc D (sinh năm 1978) và bà Nguyên Thị Ng (sinh năm 1977); Vợ, con: chưa.

Tiền án: không

Tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 06/9/2019, hiện đang bị tạm giam, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

- Bà Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm: 1970; Địa chỉ: K43/5 đường Đ, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

- Ông Hoàng Đình D, sinh năm: 1969; Địa chỉ: K153H05/15 đường X, phường K, quận T, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Phùng Hữu A, sinh năm: 1970; Địa chỉ: Lô 430 Khu dân cư H, tổ 108, phường M, quận L, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

- Ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1993; Địa chỉ: Số 357 đường T, quận L, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

- Bà Đoàn Thị C, sinh năm 1970; Địa chỉ: K243/48 đường H, tổ 108, phường M, quận L, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền tiêu xài cá nhân nên vào các ngày 12/6/2019 và 20/7/2019, Phạm Ngọc N đã thực hiện 02 (hai) vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; cụ thể như sau:

- *Vụ thứ nhất*: Vào lúc 21 giờ ngày 12/6/2019, N điều khiển xe mô tô hiệu Wave mang biển kiểm soát 92N1-7829 đi tìm tài sản sơ hở để trộm cắp. Khi đi ngang qua nhà số 234 đường K thuộc phường Đ, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, N phát hiện có một xe môtô hiệu AirBlade BKS 43Y1-0010 do bà Nguyễn Thị Ánh T đứng tên chủ sở hữu, có cắm sẵn chìa khóa trên xe. N điều khiển xe mô tô 92N1-7829 đến dựng sát sau chiếc xe mô tô 43Y1-0010 của bà T. N liền lén lút đến bật chìa khóa xe 43Y1-0010, nổ máy xe chạy thoát về Cổng sau Bến xe Đà Nẵng dựng xe, N nằm ngủ trên xe. Đến sáng ngày 13/6/2019, N đem xe 43Y1-0010 đến tiệm mua bán xe máy của anh Nguyễn Văn L *(sinh năm 1993; tại địa chỉ 357 đường T, quận L, thành phố Đà Nẵng)* để bán. Tại đây, N mở cốp xe 43Y1-0010, kiểm tra trong cốp có: 01 (*một*) giấy chứng nhận đăng ký xe 43Y1-0010, 01 (*một*) giấy phép lái xe, 01 (*một*) bản phô tô giấy chứng minh nhân dân đều mang tên Nguyễn Thị Ánh T, N nói dối với anh L là xe của mẹ N, N đã bán cho anh L với giá 11.000.000đ (*Mười một triệu đồng*) và tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản Kết luận định giá tài sản ngày 28/9/2019 của Hội đồng định giá quận Thanh Khê xác định chiếc xe môtô Honda AirBlade màu xanh - đen BKS 43Y1-0010, số khung: 786989, số máy: 5394564 của bà Nguyễn Thị Ánh T có giá trị 12.400.000 đồng *(Mười hai triệu, bốn trăm nghìn đồng).*

- *Vụ thứ hai:* Khoảng 23 giờ 00 phút, ngày 20/7/2019, Phạm Ngọc N gặp ông Hoàng Đình D *(sinh năm 1969; Địa chỉ: 153H05/15 đường X, phường K, quận T, thành phố Đà Nẵng)* ở bờ kè đường T, đối diện số nhà 681 đường T thuộc phường X, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Do có quen biết trước đó, nên ông D đã rủ N cùng sử dụng "cỏ Mỹ". Sau khi hút xong, ông D say thuốc nằm ngủ, N thấy chìa khóa xe AirBlale BKS: 43H1-127.81 của ông D rơi bên cạnh nên N nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe 43H1-127.81 của ông D. Lợi dụng lúc ông D

ngủ say, nên N lấy chìa khóa, mở khóa xe, nổ máy điều khiển xe chạy về cổng sau bến xe ngủ. Sau đó, N đem xe về nhà ông Phùng Hữu A *(sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ 108 phường M, quận L, thành phố Đà Nẵng, là anh rể của N)* cất giấu rồi bỏ đi. Ông Phùng Hữu A đi làm về thấy có chiếc xe 43H1-127.81 dựng trước sân nhà nên nghi ngờ N trộm cắp, ông Phùng Hữu A đem chiếc xe 43H1-127.81 đến trình báo tại Công an phường Hòa Minh. Đến ngày 27/7/2019, N về nhà ông Phùng Hữu A thì Công an phường Hòa Minh đến triệu tập N về làm việc. Tại đây, N khai nhận hành vi trộm cắp xe 43H1-127.81 của ông D.

Tại bản Kết luận định giá tài sản ngày 09/8/2019 của Hội đồng định giá quận Thanh Khê xác định chiếc xe máy Honda AirBlade màu trắng-xám BKS 43H1-127.81 số khung: 461XEZ412214, số máy: JF46E040445 của ông Hoàng Đình D có giá trị 27.400.000 đồng *(Hai mươi bảy triệu, bốn trăm nghìn đồng).*

* *Về trách nhiệm dân sự:* Ông Nguyễn Văn L yêu cầu Phạm Ngọc N bồi thường số tiền 11.000.000 đồng.

Cáo trạng số 137/CT-VKS-TK ngày 05 tháng 11 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng truy tố Phạm Ngọc N về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Ngọc N trình bày nội dung sự việc và thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã truy tố là đúng.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc N phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Ngọc N từ 24 đến 30 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn L yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường số tiền 11.000.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về vật chứng: Đối với 01 (*một*) xe môtô hiệu honda AirBlade BKS: 43H1-0010; 01 (một) giấy đăng ký xe môtô BKS: 43H1-0010 và 01 (một) giấy phép lái xe đều đứng tên Nguyễn Thị Ánh T; 01 (một) xe môtô hiệu honda AirBlade BKS: 43H1-127.81 đứng tên Hoàng Ngọc D, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã trả lại xe Biển kiểm soát 43Y1-0010, giấy đăng ký xe và giấy phép lái xe cho bà T và xe môtô BKS: 43H1-127.81 cho ông D là đúng quy định nên không đề cập giải quyết.

Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Wave màu xanh mang biển kiểm soát 92N1-7826, số khung: VTTWCH022TT018961, số máy: VTT1T52FMH, N khai xe do N mua của một người không rõ lai lịch, địa chỉ trên đường Đ, thành phố Đà Nẵng.

Qua tra cứu biển số xe 92N1-7826 của loại xe Wave màu xanh đứng tên ông Võ Thanh H1 *(sinh năm 1985, trú: xã Đ, huyện L, tỉnh Q)* nhưng số khung: VTTWCH022TT018961, số máy: VTT1T52FMH không phải xe của ông H1. Chiếc xe loại Wave màu xanh của ông H1 đã bán cho một tiệm xe máy trên đường V (*không nhớ rõ địa chỉ*). Chiếc xe không rõ nguồn gốc, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Khê tiếp tục điều tra, làm rõ, xử lý sau.

Bị cáo Phạm Ngọc N không tranh luận, đối đáp gì với đại diện Viện kiểm sát.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phùng Hữu A và ông Nguyễn Văn L không có ý kiến tranh luận gì.

Bị cáo Phạm Ngọc N không nói lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo cũng như những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo thì thấy:

Qua xem xét lời khai nhận tội của bị cáo, lời khai của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong hai ngày 12/6/2019 và ngày 20/7/2019, lợi dụng sơ hở của người bị hại trong việc quản lý tài sản, bị cáo Phạm Ngọc N đã lén lút thực hiện 02 vụ trộm cắp xe mô tô trên địa bàn quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, cụ thể là trộm cắp xe mô tô hiệu Honda AirBlade biển kiểm soát 43H1-0010 của bà Nguyễn Thị Ánh T và xe môtô hiệu honda AirBlade biển kiểm soát 43H1-127.81 của ông Hoàng Ngọc D. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 39.800.000đ (*ba mươi chín triệu, tám trăm nghìn đồng*). Hành vi của bị cáo Phạm Ngọc N đã phạm vào tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Xét thấy, bị cáo Phạm Ngọc N là thanh niên có tuổi đời còn trẻ, có sức khỏe nhưng với bản tính lười lao động, thích có tiền tiêu xài cá nhân nhưng không phải

do sức lao động của mình làm ra nên bị cáo đã phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra nhằm giáo dục, răn đe riêng và phòng ngừa chung, cần tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, để bị cáo có điều kiện cải tạo tu dưỡng để trở thành công dân có ích cho xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Phạm Ngọc N thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản nên thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử thấy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn L yêu cầu bị cáo Phạm Ngọc N bồi thường số tiền 11.000.000 đồng. Xét thấy, sau khi trộm cắp được xe mô tô hiệu AirBlade biển kiểm soát 43H1-0010 của bà T, bị cáo N đã nói dối là xe của mẹ bị cáo nên ông L tin tưởng và đã đồng ý mua với giá là 11.000.000 đồng. Hiện nay Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã thu hồi trả lại cho bị hại nên buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường số tiền nêu trên cho ông L là có căn cứ, phù hợp với điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự và Điều 584 của Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận.

[6] Về xử lý vật chứng:

+ Đối với 01 (một) xe môtô hiệu honda AirBlade BKS: 43H1-0010; 01 (một) giấy đăng ký xe môtô BKS: 43H1-0010 và 01 (một) giấy phép lái xe đều đứng tên Nguyễn Thị Ánh T; 01 (một) xe môtô hiệu honda AirBlade BKS: 43H1-127.81 đứng tên Hoàng Ngọc D, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã trả lại xe môtô Biển kiểm soát 43Y1-0010, giấy đăng ký xe và giấy phép lái xe cho bà T và trả xe môtô BKS: 43H1-127.81 cho ông D là đúng quy định nên không đề cập giải quyết.

+ Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Wave màu xanh mang biển kiểm soát 92N1-7826, số khung: VTTWCH022TT018961, số máy: VTT1T52FMH, N khai xe do N mua của một người không rõ lai lịch, địa chỉ trên đường Đ, thành phố Đà Nẵng. Qua tra cứu biển số xe 92N1-7826 của loại xe Wave màu xanh đứng tên ông Võ Thanh H1 *(sinh năm 1985, trú: xã Đ, huyện L, tỉnh Q)* nhưng số khung:

VTTWCH022TT018961, số máy: VTT1T52FMH không phải xe của ông H1. Chiếc xe nêu trên hiện không rõ nguồn gốc, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tiếp tục điều tra, làm rõ, xử lý sau.

[7] Đối với ông Nguyễn Văn L có hành vi mua chiếc xe mô tô biển kiểm soát 43H1-0010 nhưng do ông L không biết xe này do N trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Khê không đề cập xử lý là có căn cứ.

[8] Về án phí: Án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm, bị cáo Phạm Ngọc N phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 48; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- Căn cứ vào Điều 584 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Ngọc N phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Ngọc N **18** (*mười tám*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06 tháng 9 năm 2019.

2. Buộc bị cáo Phạm Ngọc N phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn L số tiền 11.000.000đ (*mười một triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Phạm Ngọc N phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*).

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Phạm Ngọc N phải chịu 550.000đ (*năm trăm, năm mươi nghìn đồng*).

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc niêm yết) trích sao bản án.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tung;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND quận Thanh Khê;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Sở tư pháp TP. Đà Nẵng;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Trại tạm giam CA TP Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT CA quận Thanh Khê;
- Cơ quan THAHS CA quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trịnh Đức Thiện